

**CÔNG TY CỔ PHẦN HABECO HẢI PHÒNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được soát xét bởi

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT**

## MỤC LỤC

<b>Nội Dung</b>	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 – 03
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	04 – 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	06 – 36
<i>Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2024</i>	06 – 09
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>	10
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>	11 – 12
<i>Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>	13 – 36

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Habeco Hải Phòng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được soát xét.

**KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Habeco – Hải Phòng được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203003491 ngày 24 tháng 09 năm 2007, Giấy chứng nhận thay đổi lần 4 ngày 17 tháng 05 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia, vận tải hàng hóa đường bộ, kho bãi và lưu giữ hàng hóa, bốc xếp hàng hóa.

**TRỤ SỞ HOẠT ĐỘNG:**

Địa chỉ : Thị trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Thành phố Hải Phòng.  
Điện thoại : 02253 667 163  
Mã số thuế : 0200761964

**SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 06 năm 2024 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH QUẢN LÝ**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Phạm Anh Tuấn	Chủ tịch
Ông Trần Văn Trung	Thành viên
Bà Quách Thị Thu Huyền	Thành viên
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Thành viên

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Bà Bùi Thị Huyền	Trưởng ban
Ông Nguyễn Như Khuê	Thành viên
Bà Vũ Thị Luyện	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Anh Đào	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Giám đốc
Ông Nguyễn Tiến Quyết	Phó Giám đốc



Số: 1507.01.01 /2024/ BCTC-NVT2

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT**  
Về báo cáo tài chính giữa niên độ  
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Habeco Hải Phòng

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Habeco Hải Phòng, được lập ngày 07 tháng 8 năm 2024 từ trang 06 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Habeco Hải Phòng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Habeco Hải Phòng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của đơn vị 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán và soát xét bởi doanh nghiệp kiểm toán khác với Báo cáo kiểm toán độc lập ngày 19 tháng 03 năm 2024 có ý kiến của kiểm toán viên là chấp nhận toàn phần và Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ ngày 10 tháng 08 năm 2023 với kết luận của kiểm toán viên là chấp nhận toàn phần.

Hà Nội, ngày 09 tháng 08 năm 2024

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT**  
**Phó Tổng Giám đốc**



**Nguyễn Thị Hạnh**

GCNĐKHNKT số: 1690-2023-124-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN HABECO HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Thị trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Tp. Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>118.389.819.293</b>	<b>134.535.742.283</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.1	<b>57.948.702.013</b>	<b>35.622.927.925</b>
1. Tiền	111		22.948.702.013	35.622.927.925
2. Các khoản tương đương tiền	112		35.000.000.000	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>33.920.140.794</b>	<b>70.768.586.606</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	33.451.690.788	70.671.343.055
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	429.071.500	84.956.017
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	39.378.506	12.287.534
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>25.992.847.638</b>	<b>28.108.690.490</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.5	25.992.847.638	28.108.690.490
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>528.128.848</b>	<b>35.537.262</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	528.128.848	35.537.262
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN HABECO HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Thị trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Tp. Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>115.209.818.396</b>	<b>129.523.718.800</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>102.270.433.221</b>	<b>114.979.994.171</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	102.270.433.221	114.979.994.171
- Nguyên giá	222		456.568.176.122	456.479.084.619
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(354.297.742.901)	(341.499.090.448)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>35.994.840</b>	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		35.994.840	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>12.903.390.335</b>	<b>14.543.724.629</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	12.903.390.335	14.543.724.629
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>233.599.637.689</b>	<b>264.059.461.083</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN HABECO HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Thị trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Tp. Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>72.819.744.133</b>	<b>94.344.580.462</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>72.819.744.133</b>	<b>94.344.580.462</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.8	22.764.776.318	10.182.078.176
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.9	27.847.381.989	43.268.291.971
4. Phải trả người lao động	314		2.384.069.452	3.164.569.784
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.10	1.056.102.740	53.343.129
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11	159.675.384	1.059.933.214
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	15.000.000.000	33.014.025.938
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.607.738.250	3.602.338.250
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN HABECO HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Thị trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Tp. Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>160.779.893.556</b>	<b>169.714.880.621</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.13	<b>160.779.893.556</b>	<b>169.714.880.621</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		160.000.000.000	160.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411		160.000.000.000	160.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411		-	-
	a			
	b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.710.297.140	3.710.297.140
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(2.930.403.584)	6.004.583.481
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421		6.004.583.481	5.058.001.742
- LNST chưa phân phối kỳ này	421		(8.934.987.065)	946.581.739
	a			
	b			
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>233.599.637.689</b>	<b>264.059.461.083</b>

Lập, ngày 07 tháng 08 năm 2024

Người lập biểu

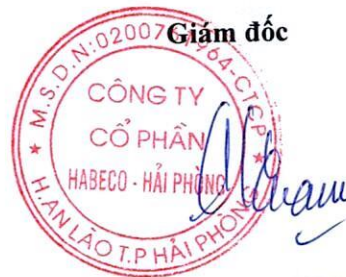


Đào Văn Thanh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hương Giang



Nguyễn Hoàng Giang

**CÔNG TY CỔ PHẦN HABECO HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Thị trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Tp. Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	92.498.676.799	74.693.425.633
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		92.498.676.799	74.693.425.633
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	97.533.782.442	80.626.048.897
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(5.035.105.643)	(5.932.623.264)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	197.509.840	199.668.948
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	100.563.294	77.737.664
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		100.563.294	77.737.664
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	398.715.341	502.839.458
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	4.133.799.905	4.071.446.897
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(9.470.674.343)	(10.384.978.335)
11. Thu nhập khác	31	VI.6	602.924.282	475.474.544
12. Chi phí khác	32	VI.7	67.237.004	36.636.003
13. Lợi nhuận khác	40		535.687.278	438.838.541
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(8.934.987.065)	(9.946.139.794)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(8.934.987.065)	(9.946.139.794)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	(558)	(622)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	(558)	(622)

Lập, ngày 07 tháng 08 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Đào Văn Thanh

Nguyễn Thị Hương Giang

Nguyễn Hoàng Giang

**CÔNG TY CỔ PHẦN HABECO HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Thị trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Tp. Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>01</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>			<b>(8.934.987.065)</b>	<b>(9.946.139.794)</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		12.937.048.450	13.085.940.315
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(197.509.840)	(199.668.948)
- Chi phí lãi vay	06		100.563.294	77.737.664
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>3.905.114.839</b>	<b>3.017.869.237</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		36.848.445.812	10.134.706.874
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2.115.842.852	(9.636.305.990)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(3.178.302.530)	(22.367.171.179)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.147.742.708	(245.753.986)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(131.303.683)	(77.737.664)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(307.167.472)	(3.038.588.182)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		5.400.000	2.980.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>40.405.772.526</b>	<b>(22.210.000.890)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(263.482.340)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		197.509.840	199.668.948
<b>Lưu chuyển tiền thuần hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(65.972.500)</b>	<b>199.668.948</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HABECO HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Thị trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Tp. Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)**

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		40.580.231.806	38.462.807.855
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(58.594.257.744)	(38.462.807.855)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(18.014.025.938)</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>22.325.774.088</b>	<b>(22.010.331.942)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>35.622.927.925</b>	<b>28.735.099.138</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>57.948.702.013</b>	<b>6.724.767.196</b>

Lập, ngày 07 tháng 08 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Đào Văn Thanh

Nguyễn Thị Hương Giang

Nguyễn Hoàng Giang

## **CÔNG TY CỔ PHẦN HABECO HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Thị trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Tp. Hải Phòng

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần**

Công ty Cổ phần Habeco – Hải Phòng được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203003491 ngày 24 tháng 09 năm 2007, Giấy chứng nhận thay đổi lần 4 ngày 17 tháng 05 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại

#### **3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty là: sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia, vận tải hàng hóa đường bộ, kho bãi và lưu giữ hàng hóa, bốc xếp hàng hóa.

#### **4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng**

#### **5. Nhân viên:** Tại ngày kết thúc kỳ kế toán công ty có 75 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 76 nhân viên).

#### **6. Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty không có khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết và cũng không có đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán để lập báo cáo tài chính.

#### **7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Số liệu BCTC giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **1. Năm tài chính**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

#### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## **CÔNG TY CỔ PHẦN HABECO HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Thị trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Tp. Hải Phòng

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

#### **Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### **III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

#### **3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### **2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với tiền tệ sử dụng trong kế toán được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế phát sinh, trên cơ sở sau:

- Các khoản nợ phải thu phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi chỉ định khách hàng thanh toán;
- Các khoản nợ phải trả phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi thường xuyên có giao dịch;
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại thời điểm cuối kỳ kế toán các khoản mục mang tính chất tiền tệ có gốc ngoại tệ như tài sản (tiền, phải thu và tài sản tiền tệ khác) và công nợ (vay, phải trả và công nợ khác) được quy đổi theo tỷ giá mua và bán của ngân hàng thương mại mà Công ty có tài khoản tại thời điểm cuối kỳ kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch đánh giá lại cuối năm được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN HABECO HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Thị trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Tp. Hải Phòng

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

#### **Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### **3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các khoản tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

### **4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu, và thu tiền.

Các khoản đầu tư tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 01 năm hoặc trong 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 01 năm hoặc hơn 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường, giá trị có thể thu hồi của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

### **5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.



## CÔNG TY CỔ PHẦN HABECO HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Thị trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Tp. Hải Phòng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

#### Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### 6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công, chi phí khấu hao tài sản dùng cho hoạt động sản xuất và các chi phí sản xuất chung liên quan đến hoạt động sản xuất.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

#### 7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
Máy móc và thiết bị	05 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08

## CÔNG TY CỔ PHẦN HABECO HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Thị trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Tp. Hải Phòng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

#### Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

---

#### 8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Chi phí trả trước ghi nhận chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

##### *Chi phí trả trước khác*

Là chi phí phục vụ cho nhiều kỳ sản xuất kinh doanh, được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

#### 9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### 10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;

- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, bên Nợ tài khoản 341 được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;

## **CÔNG TY CỔ PHẦN HABECO HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Thị trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Tp. Hải Phòng

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

#### **Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

- Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.
- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

#### **11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

##### **Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### **12. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông của Công ty cũng như các qui định của pháp luật.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm, nghị quyết Hội đồng quản trị và thông báo chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ý chứng khoán được xác lập.

#### **13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

##### ***Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc

## CÔNG TY CỔ PHẦN HABECO HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Thị trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Tp. Hải Phòng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

#### **Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### **Tiền lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### **14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyên giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

#### **15. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính**

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

#### **16. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho

## CÔNG TY CỔ PHẦN HABECO HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Thị trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Tp. Hải Phòng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

#### Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

#### 17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

##### **Thuế thu nhập hiện hành**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### 18. Công cụ tài chính

##### *a) Tài sản tài chính*

##### *Phân loại tài sản tài chính*

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

*Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

*Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

*Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

*Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính*

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và được ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

## CÔNG TY CỔ PHẦN HABECO HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Thị trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Tp. Hải Phòng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

#### Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

##### *b) Nợ phải trả tài chính*

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

*Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

*Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

*Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính*

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

##### *c) Công cụ vốn chủ sở hữu*

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

## 19. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN HABECO HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Thị trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Tp. Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****20. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	22.948.702.013	35.622.927.925
Các khoản tương đương tiền (*)	35.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>57.948.702.013</u></b>	<b><u>35.622.927.925</u></b>

(\*) Là khoản tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam Chi nhánh Tràng Tiền – Hà Nội theo các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng.

**2. Phải thu khách hàng ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty CP Bia Rượu NGK Hà Nội	33.451.690.788	69.864.143.098
Công ty cổ phần bia Hà Nội- Hải Phòng	-	807.199.957
<b>Cộng</b>	<b><u>33.451.690.788</u></b>	<b><u>70.671.343.055</u></b>

**Phải thu là bên liên quan: Xem thuyết minh VII.1**

**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Buhler Asia Việt Nam	150.660.000	-
Công ty cổ phần VINAGENSET	264.600.000	-
Công ty TNHH MTV METTLER - TOLEDO Việt Nam	-	74.956.017
Trả trước cho đối tượng khác	13.811.500	10.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>429.071.500</u></b>	<b><u>84.956.017</u></b>

**Trả trước là bên liên quan: Xem thuyết minh VII.1**

**CÔNG TY CỔ PHẦN HABECO HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Thị trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Tp. Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****4. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu tạm ứng	18.098.506	-
Phải thu khác	21.280.000	12.287.534
<b>Cộng</b>	<b>39.378.506</b>	<b>12.287.534</b>

**5. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Nguyên liệu, vật liệu	13.894.714.107	-	12.981.430.962	-
Công cụ, dụng cụ	1.916.128.368	-	1.716.702.262	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	6.197.651.624	-	4.635.770.397	-
Thành phẩm	3.984.353.539	-	8.698.899.024	-
Hàng hóa	-	-	75.887.845	-
<b>Cộng</b>	<b>25.992.847.638</b>	<b>-</b>	<b>28.108.690.490</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN HABECO HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Thị trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Tp. Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc</b>	<b>Máy móc, thiết bị</b>	<b>Phương tiện vận tải</b>	<b>Dụng cụ Quản lý</b>	<b>Cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>					
<b>Số đầu năm</b>	<b>84.426.671.659</b>	<b>368.893.565.778</b>	<b>3.128.847.182</b>	<b>30.000.000</b>	<b>456.479.084.619</b>
Số tăng trong kỳ	-	227.487.500	-	-	227.487.500
- <i>Mua mới trong kỳ</i>	-	227.487.500	-	-	227.487.500
Số giảm trong kỳ	-	138.395.997	-	-	138.395.997
- <i>Thanh lý</i>	-	138.395.997	-	-	138.395.997
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>84.426.671.659</b>	<b>368.982.657.281</b>	<b>3.128.847.182</b>	<b>30.000.000</b>	<b>456.568.176.122</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
<b>Số đầu năm</b>	<b>31.219.251.346</b>	<b>307.127.741.920</b>	<b>3.128.847.182</b>	<b>23.250.000</b>	<b>341.499.090.448</b>
Số tăng trong kỳ	1.130.194.614	11.805.353.836	-	1.500.000	12.937.048.450
- <i>Khấu hao trong kỳ</i>	1.130.194.614	11.805.353.836	-	1.500.000	12.937.048.450
Số giảm trong kỳ	-	138.395.997	-	-	138.395.997
- <i>Thanh lý</i>	-	138.395.997	-	-	138.395.997
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>32.349.445.960</b>	<b>318.794.699.759</b>	<b>3.128.847.182</b>	<b>24.750.000</b>	<b>354.297.742.901</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
<b>Số đầu năm</b>	<b>53.207.420.313</b>	<b>61.765.823.858</b>	-	<b>6.750.000</b>	<b>114.979.994.171</b>
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>52.077.225.699</b>	<b>50.187.957.522</b>	-	<b>5.250.000</b>	<b>102.270.433.221</b>

Nguyên giá tài sản cố định khấu hao hết còn sử dụng: 13.864.466.128 đồng

Giá trị còn lại cuối kỳ dùng để thế chấp, cầm cố các khoản vay: 52.077.225.699

**CÔNG TY CỔ PHẦN HABECO HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Thị trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Tp. Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****7. Chi phí trả trước**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>a. Chi phí trả trước ngắn hạn</b>		
Chi phí khác	528.128.848	35.537.262
<b>Cộng</b>	<b>528.128.848</b>	<b>35.537.262</b>
<b>b. Chi phí trả trước dài hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ, sửa chữa	9.003.876.315	10.586.153.331
Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng	3.899.514.020	3.957.571.298
<b>Cộng</b>	<b>12.903.390.335</b>	<b>14.543.724.629</b>

**8. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Tổng công ty Cổ Phần Bia-Rượu- Nước Giải Khát Hà Nội	15.893.188.788	15.893.188.788	-	-
Công ty TNHH Nội hơi công nghiệp Việt Nam	1.311.093.396	1.311.093.396	1.059.824.373	1.059.824.373
Công ty CP Thương Mại Minh Khai	-	-	1.435.280.000	1.435.280.000
Công ty TNHH Phú Minh Hưng	468.648.000	468.648.000	1.420.020.000	1.420.020.000
Công ty cổ phần xây dựng và phát triển hạ tầng Bắc Việt	288.441.434	288.441.434	1.167.856.428	1.167.856.428
CNKD gạo CLC- Công ty CP XNK LT-TP Hà Nội	1.504.269.000	1.504.269.000	-	-
Phải trả các đối tượng khác	3.299.135.700	3.299.135.700	5.099.097.375	5.099.097.375
<b>Cộng</b>	<b>22.764.776.318</b>	<b>22.764.776.318</b>	<b>10.182.078.176</b>	<b>10.182.078.176</b>

**Phải trả là bên liên quan: Xem thuyết minh VII.1****9. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
<b>Thuế phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	5.796.472.250	10.534.179.613	10.956.892.453	5.373.759.410
Thuế tiêu thụ đặc biệt	37.158.209.689	76.888.044.931	91.978.587.375	22.067.667.245
Thuế thu nhập DN	307.167.472	-	307.167.472	-
Thuế thu nhập cá nhân	6.442.560	95.639.860	96.391.086	5.691.334
Thuế đất, tiền thuê đất	-	658.576.400	258.312.400	400.264.000
Thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>43.268.291.971</b>	<b>88.179.440.804</b>	<b>103.600.350.786</b>	<b>27.847.381.989</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN HABECO HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Thị trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Tp. Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)*****Thuế giá trị gia tăng***

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất theo quy định Luật hiện hành của Nhà nước.

***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng là 20%.

***Các loại thuế khác***

Các loại thuế khác, Công ty kê khai và nộp theo quy định.

**10. Chi phí phải trả**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	22.602.740	53.343.129
Chi phí khác	1.033.500.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>1.056.102.740</u></b>	<b><u>53.343.129</u></b>

**11. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	10.093.040	10.090.620
Phải trả khác	149.582.344	1.049.842.594
<b>Cộng</b>	<b><u>159.675.384</u></b>	<b><u>1.059.933.214</u></b>

**Phải trả khác là bên liên quan: Xem thuyết minh VII.1**

**CÔNG TY CỔ PHẦN HABECO HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Thị trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Tp. Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****12. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Cuối kỳ		Phát sinh trong năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (*)	15.000.000.000	15.000.000.000	32.866.507.492	32.866.507.492	15.000.000.000	15.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-	-	7.713.724.314	25.727.750.252	18.014.025.938	18.014.025.938
<b>Tổng cộng</b>	<b>15.000.000.000</b>	<b>15.000.000.000</b>	<b>40.580.231.806</b>	<b>58.594.257.744</b>	<b>33.014.025.938</b>	<b>33.014.025.938</b>

(\*) Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Tràng Tiền theo Hợp đồng Tín dụng hạn mức số 01/2023/21386439/HĐTD ngày 12/09/2023. Hạn mức tín dụng là 15.000.000.000 VND. Thời hạn vay 12 tháng, lãi suất theo từng Giấy nhận nợ. Mục đích vay để đáp ứng nhu cầu về vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản đảm bảo cho khoản vay: tín chấp

**CÔNG TY CỔ PHẦN HABECO HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Thị trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Tp. Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****13. Vốn chủ sở hữu****a Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	160.000.000.000	-	12.367.657.132	172.367.657.132
Lợi nhuận trong năm trước			946.581.739	946.581.739
Trích lập các quỹ				
- Quỹ đầu tư phát triển		3.710.297.140	(3.710.297.140)	-
- Quỹ khen thưởng phúc lợi			(3.400.000.000)	(3.400.000.000)
- Quỹ thưởng ban điều hành			(199.358.250)	(199.358.250)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>160.000.000.000</b>	<b>3.710.297.140</b>	<b>6.004.583.481</b>	<b>169.714.880.621</b>
Số dư đầu năm nay	160.000.000.000	3.710.297.140	6.004.583.481	169.714.880.621
Lợi nhuận trong kỳ này			(8.934.987.065)	(8.934.987.065)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>160.000.000.000</b>	<b>3.710.297.140</b>	<b>(2.930.403.584)</b>	<b>160.779.893.556</b>

**b Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số cuối kỳ	%	Số đầu năm	%
Tổng Công ty CP Bia Rượu NGK Hà Nội	106.706.800.000	67	106.706.800.000	67
Công ty CP Bia Hà Nội - Hải Phòng	22.500.000.000	14	22.500.000.000	14
Vốn góp của các đối tượng khác	30.793.200.000	19	30.793.200.000	19
<b>Cộng</b>	<b>160.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>160.000.000.000</b>	<b>100</b>

**d Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	16.000.000	16.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	16.000.000	16.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	16.000.000	16.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.000.000	16.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	16.000.000	16.000.000
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000/cp		

**CÔNG TY CỔ PHẦN HABECO HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Thị trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Tp. Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****a. Doanh thu**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	92.498.676.799	74.693.425.633
<b>Cộng</b>	<b>92.498.676.799</b>	<b>74.693.425.633</b>

**b. Doanh thu với các bên liên quan**

Tổng công ty CP Bia Rượu NGK Hà Nội	92.498.676.799	73.721.636.391
<i>Trong đó</i>		
- Doanh thu chưa thuế VAT	169.386.721.730	135.997.300.920
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	76.888.044.931	62.275.664.529
Công ty cổ phần bia Hà Nội- Hải Phòng	-	971.789.242
<i>Trong đó</i>		
- Doanh thu chưa thuế VAT	-	1.674.860.044
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	703.070.802

**2. Giá vốn hàng bán**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn thành phẩm, hàng hóa	97.533.782.442	80.626.048.897
<b>Cộng</b>	<b>97.533.782.442</b>	<b>80.626.048.897</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	197.509.840	199.668.948
<b>Cộng</b>	<b>197.509.840</b>	<b>199.668.948</b>

**4. Chi phí tài chính**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	100.563.294	77.737.664
<b>Cộng</b>	<b>100.563.294</b>	<b>77.737.664</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HABECO HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Thị trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Tp. Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****5. Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<b>a. Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí công cụ	371.109.137	395.978.016
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.750.002	7.750.002
Chi phí khác	19.856.202	99.111.440
<b>Cộng</b>	<b>398.715.341</b>	<b>502.839.458</b>
<b>b. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân công, bảo hiểm	2.508.791.450	2.583.662.696
Chi phí nguyên liệu, công cụ	52.712.194	53.342.887
Chi phí khấu hao tài sản cố định	107.458.158	107.458.158
Chi phí dịch vụ mua ngoài	639.516.697	600.772.915
Chi phí khác	825.321.406	726.210.241
<b>Cộng</b>	<b>4.133.799.905</b>	<b>4.071.446.897</b>

**6. Thu nhập khác**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập bán bã bia	166.796.640	149.812.800
Thu nhập cho thuê kho	245.739.671	250.359.273
Thu nhập khác	190.387.971	75.302.471
<b>Cộng</b>	<b>602.924.282</b>	<b>475.474.544</b>

**7. Chi phí khác**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Phạt hành chính, thuế	-	447
Chi phí khác	67.237.004	36.635.556
<b>Cộng</b>	<b>67.237.004</b>	<b>36.636.003</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HABECO HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Thị trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Tp. Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế TNDN trong kỳ được dự tính như sau

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(8.934.987.065)	(9.946.139.794)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng lợi nhuận tính thuế	(8.934.987.065)	(9.946.139.794)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế TNDN trong kỳ</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**9. Lãi trên cổ phiếu**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế	(8.934.987.065)	(9.946.139.794)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lãi hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông	(8.934.987.065)	(9.946.139.794)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	16.000.000	16.000.000
Lãi trên cổ phiếu		
- Lãi cơ bản	(558)	(622)
- Lãi suy giảm	(558)	(622)

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này.

**10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	73.276.195.256	74.158.688.796
Chi phí nhân công	6.842.035.566	6.718.068.966
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.937.048.450	13.085.940.315
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.541.356.399	4.413.235.070
Chi phí khác	1.316.997.759	1.297.581.920
<b>Cộng</b>	<b>98.913.633.430</b>	<b>99.673.515.067</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN HABECO HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Thị trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Tp. Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****VII. THÔNG TIN KHÁC****1. Thông tin về các bên liên quan**

Trong kỳ, Ngoài phát sinh doanh thu bán hàng (Thuyết minh VI.1 trang 29) Công ty còn phát sinh các nghiệp vụ khác với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
Tổng công ty CP Bia Rượu NGK Hà Nội	Công ty mẹ	Mua nguyên vật liệu, phụ tùng	56.629.756.283	53.008.985.690
Công ty TNHH MTV TM Habeco	Công ty cùng công ty mẹ	Thuê dây chuyền chiết lon	1.033.500.000	1.033.500.000
		Cho thuê kho	245.739.671	250.359.273
Công ty cổ phần bia Hà Nội- Hải Phòng	Công ty cùng công ty mẹ	Tiền bốc xếp	96.000.000	-
		Mua nguyên vật liệu	-	60.680.300

Công nợ với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cuối kỳ	Đầu năm
Tổng Công ty CP Bia Rượu NGK Hà Nội	Công ty mẹ	Phải trả mua hàng	(15.893.188.788)	-
		Phải thu bán hàng	33.451.690.788	69.864.143.098
Công ty cổ phần bia Hà Nội- Hải Phòng	Công ty cùng công ty mẹ	Phải thu bán hàng	-	807.199.957

**CÔNG TY CỔ PHẦN HABECO HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Thị trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Tp. Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Lương, thù lao của thành viên Hội đồng Quản Trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng trong kỳ như sau:

Họ tên	Chức danh	Nội dung	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc</b>				
Ông Phạm Anh Tuấn	Chủ tịch	Thù lao	43.560.000	42.180.000
Ông Trần Văn Trung	TV HĐQT	Thù lao	35.280.000	34.140.000
Bà Quách Thị Thu Huyền	TV HĐQT	Thù lao	35.280.000	34.140.000
Ông Nguyễn Hoàng Giang	TV HĐQT, Giám đốc	Thù lao	35.280.000	34.140.000
		Lương thưởng	236.196.000	241.596.000
Ông Nguyễn Tiến Quyết	Phó Giám đốc	Lương thưởng	163.698.000	169.098.000
Ông Nguyễn Hải Tuấn	Phó Giám đốc	Lương thưởng	-	169.098.000
<b>Ban Kiểm soát</b>				
Bà Bùi Thị Huyền	Trưởng ban	Thù lao	18.600.000	18.000.000
		Lương thưởng	41.443.542	46.290.027
Bà Trần Dương Ánh Tuyết	Thành viên	Thù lao	-	8.140.000
Ông Nguyễn Như Khuê	Thành viên	Thù lao	12.840.000	12.420.000
Bà Nguyễn Thị Anh Đào	Thành viên	Thù lao	12.840.000	4.280.000
Bà Vũ Thị Luyến	Thành viên	Thù lao	12.840.000	12.420.000
<b>Thành viên chủ chốt khác</b>				
Bà Nguyễn Thị Hương Giang	Kế toán trưởng	Lương thưởng	155.622.000	161.022.000

## CÔNG TY CỔ PHẦN HABECO HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Thị trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Tp. Hải Phòng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

#### Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

## 2. Báo cáo bộ phận

**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:** Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất kinh doanh các sản phẩm bia, do đó không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

**Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý:** Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam.

## 3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Tiền, tương đương tiền	57.948.702.013	-	35.622.927.925	-
Phải thu khách hàng	33.451.690.788	-	70.671.343.055	-
Trả trước cho người bán	429.071.500	-	84.956.017	-
Phải thu khác	39.378.506	-	12.287.534	-
<b>Cộng</b>	<b>91.868.842.807</b>	<b>-</b>	<b>106.391.514.531</b>	<b>-</b>

Nợ phải trả tài chính	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả cho người bán	22.764.776.318	10.182.078.176
Vay nợ thuê tài chính	15.000.000.000	33.014.025.938
Chi phí phải trả	1.056.102.740	53.343.129
Phải trả khác	33.988.772.035	51.085.042.599
<b>Cộng</b>	<b>72.809.651.093</b>	<b>94.334.489.842</b>

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng chưa đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả việc áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

## 4. Tài sản đảm bảo

Tại ngày 30/06/2024, Công ty có tài sản được sử dụng để đảm bảo cho các khoản nợ (xem thuyết minh V.6 và V.12) ngoài ra Công ty không có nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác.

## 5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

### Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN HABECO HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Thị trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Tp. Hải Phòng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

#### Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

#### **Tiền gửi ngân hàng**

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

#### **6. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	<b>Từ 01 năm trở xuống</b>	<b>Từ 01 năm đến 05 năm</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối năm</b>	<b>72.809.651.093</b>	-	<b>72.809.651.093</b>
Các khoản vay	15.000.000.000	-	15.000.000.000
Phải trả người bán	22.764.776.318	-	22.764.776.318
Chi phí phải trả	1.056.102.740	-	1.056.102.740
Phải trả khác	33.988.772.035	-	33.988.772.035
<b>Số đầu năm</b>	<b>94.334.489.842</b>	-	<b>94.334.489.842</b>
Các khoản vay	33.014.025.938	-	33.014.025.938
Phải trả người bán	10.182.078.176	-	10.182.078.176
Chi phí phải trả	53.343.129	-	53.343.129
Phải trả khác	51.085.042.599	-	51.085.042.599

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

#### **7. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

#### **Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN HABECO HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Thị trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Tp. Hải Phòng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

#### Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### **Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty. Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể hoặc nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

#### **Rủi ro về giá khác**

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

#### **8. Thông tin về hoạt động liên tục**

Trong kỳ không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giá định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

#### **9. Thông tin về các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính

#### **10. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN).

Lập, ngày 07 tháng 08 năm 2024

Người lập biểu



Đào Văn Thanh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hương Giang

Giám đốc



Nguyễn Hoàng Giang